

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HC-ST

Ngày: 19-3-2021

V/v: Khiếu kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hảo, bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thành Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 và 19 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLST-HC ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc khiếu kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HC ngày 19 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Quan Văn C, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn Bản T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Nguyễn Kim N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tập thể K, tổ dân phố X, phường X, quận B, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện C: Ông Vũ Đình T – Phó Chủ tịch. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đồng Văn H – Chủ tịch UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Ông Quan Văn T, sinh năm: 1956;

Địa chỉ: Tổ 3, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Bà Quan Thị N, sinh năm: 1947; địa chỉ: thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; (Vắng mặt đã ủy quyền cho ông Quan Văn T).

- Bà Quan Thị C, sinh năm: 1953; địa chỉ: thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt đã ủy quyền cho ông Quan Văn C).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, biên bản tự khai và tại phiên tòa ông Quan Văn C và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Bố ông là Quan Văn B có 2 người vợ, vợ đầu tiên của bố ông là bà Ma Thị T, có 1 người con chung là chị Quan Thị N, sinh năm 1948, địa chỉ hiện nay là thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên, năm 1948 bà Ma Thị T chết. Khoảng năm 1951 bố ông lấy mẹ ông là Lý Thị L và có 3 người con là chị Quan Thị C, sinh năm 1953, địa chỉ hiện nay là thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, anh trai Quan Văn T và ông. Ban đầu gia đình ông ở chung với ông bà nội nhưng năm 1965 bố mẹ ông khai phá một thửa đất tại thôn Bản T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Bố mẹ ông dựng nhà và trồng cây sinh sống trên thửa đất này. Diện tích đất từ lúc bố mẹ ông khai phá đến bây giờ không thay đổi. Đến năm 1980, bố ông chết, khi đó 2 chị của ông đã đi lấy chồng, bà N lấy chồng khoảng năm 1968 – 1969, bà C lấy chồng năm 1973, năm 1974 ông T tham gia quân đội đến năm 1987; còn ông lấy vợ năm 1986 – 1987 ở riêng. Sau khi bố ông mất mẹ ông tiếp tục quản lý và sử dụng thửa đất này. Đến năm 2011, mẹ ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 068488 do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 03/03/2011. Sau đó mẹ ông tặng cho quyền sử dụng đất cho anh trai ông là Quan Văn T và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp cho ông Quan Văn T, sinh năm 1956, địa chỉ: tổ 3, Phường Phan T, Phường Phan T, tỉnh Tuyên Quang.

Ông cho rằng thửa đất này là tài sản chung của gia đình ông, việc bà L và ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được bàn bạc và không được biết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nên ông đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án tỉnh Tuyên Quang và đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 068488 ngày 03/03/2011 do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp cho bà Lý Thị L, sinh năm 1929, địa chỉ: Thôn Bản T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

2. Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp cho ông Quan Văn T, sinh năm 1956, địa chỉ: tổ 3, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

**Người bị kiện - Đại diện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang
ông Vũ Đình T, trình bày:**

Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 068488 ngày 03/3/2011 do UBND huyện C cấp cho bà Lý Thị L:

- Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo trình tự, thủ tục của Luật Đất đai năm 2003 và các Nghị định: 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ; Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009, Thông tư số 20/2010/TT-BTNMT ngày 22/10/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hướng dẫn số 427/HD-TNMT ngày 14/10/2005 của Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về việc cấp Giấy CNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Về kê khai, đo vẽ, L hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất của UBND xã T:

+ Ngày 26/10/2006 bà Lý Thị L kê khai với thửa đất có tổng diện tích 1.087,0m², trong đó đất ở tại nông thôn 200m², đất trồng cây lâu năm 887,0m² (diện tích khi kiểm tra, đo đạc lại có tổng diện tích 1.258 m²). Nguồn gốc sử dụng đất: Gia đình khai phá làm nhà ở năm 1970, đất sử dụng ổn định không tranh chấp. Phiếu lấy ý kiến khu dân cư thôn Bản T xác định nguồn gốc kê khai đúng và không có tranh chấp và được L biên bản công khai và niêm yết tại UBND xã T và tại thôn Bản T, xã T các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy CNQSD đất, hồ sơ bà Lý Thị L không có ý kiến vướng mắc.

- Về hồ sơ kiểm tra của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất: Năm 2011 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường) tổ chức kiểm tra hồ sơ của UBND xã T trong đó có hồ sơ của bà L, xét thấy đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đối với diện tích 1.258,0 m² (trong đó đất ở nông thôn 200,0m², đất trồng cây lâu năm 1.058,0m²).

- Về hồ sơ thẩm định của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C: Sau khi Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất kiểm tra xong chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét trình ký giấy, ngày 03/03/2011 UBND huyện đã ký giấy chứng nhận cho bà Lý Thị L số BC 068488 và chuyển giấy về UBND xã T để trao cho hộ gia đình theo quy định.

Như vậy, theo quy định của pháp luật đất đai thì trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với bà Lý Thị L đã đúng theo quy định.

Về việc tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 ngày 21/11/2012 do UBND huyện C cấp cho ông Quan Văn T, địa chỉ thường trú Tổ 3, Phường Phan T, Thành phố T. UBND huyện có ý kiến như sau:

Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 ngày 21/11/2012 do UBND huyện C cấp cho ông Quan Văn T:

- Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo trình tự, thủ tục của Luật Đất đai năm 2003 và các Nghị định:

181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ; Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009, Thông tư số 20/2010/TT-BTNMT ngày 22/10/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Về việc cấp Giấy CNQSD đất cho ông Quan Văn T:

Ngày 16/7/2012, bà Lý Thị L tặng cho ông Quan Văn T toàn bộ diện tích đất nêu trên hai bên đã L hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 01 theo đúng quy định và được UBND xã T chứng thực. Ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính với nhà nước và được UBND huyện C cấp Giấy CNQSD đất số BM 712801, cấp ngày 21/11/2012

Như vậy, theo quy định của pháp luật đất đai thì trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với hộ ông Quan Văn T đã đúng theo quy định.

Về việc giải quyết nội dung khởi kiện: Năm 2011, bà L là chủ hộ gia đình đã kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp Giấy CNQSD đất ngày 03/3/2011, quá trình thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho bà L thể hiện thuộc tài sản của bà Lý Thị L bà kê khai và lấy ý kiến khu dân cư thể hiện đất gia đình bà khai phá làm nhà từ năm 1970, sử dụng liên tục đến thời điểm cấp giấy không có vướng mắc (thời điểm bà L xin cấp giấy bà ở một mình).

Việc ông C khởi kiện đề nghị xác định thửa đất đã cấp cho bà L là tài sản chung phải được phân chia theo hàng thừa kế theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện UBND xã T trình bày:

- Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo trình tự, thủ tục của Luật Đất đai năm 2003 và các Nghị định: 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ; Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009, Thông tư số 20/2010/TT-BTNMT ngày 22/10/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hướng dẫn số 427/HD-TNMT ngày 14/10/2005 của Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về việc cấp Giấy CNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Về kê khai, đo vẽ, L hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất của UBND xã T:

+ Ngày 26/10/2006 bà Lý Thị L kê khai với thửa đất có tổng diện tích 1.087,0m², trong đó đất ở tại nông thôn 200m², đất trồng cây lâu năm 887,0m² (diện tích khi kiểm tra, đo đạc lại có tổng diện tích 1.258 m²). Nguồn gốc sử dụng đất: Gia đình khai phá làm nhà ở năm 1970, đất sử dụng ổn định không tranh

chấp. Phiếu lấy ý kiến khu dân cư thôn Bản T xác định nguồn gốc kê khai đúng và không có tranh chấp và được L biên bản công khai và niêm yết tại UBND xã T và tại thôn Bản T, xã T các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy CNQSD đất, hồ sơ bà Lý Thị L không có ý kiến vướng mắc.

Sau khi thực hiện việc công khai, niêm yết theo thời gian quy định UBND xã T đã L văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình cá nhân trên địa bàn trong đó có hộ bà Lý Thị L và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thẩm định trình phòng Tài nguyên và môi trường thẩm tra và trình UBND huyện cấp giấy chứng nhận, ngày 03/3/2011 UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận số BC 068488 và chuyển giấy về UBND xã T trao cho hộ gia đình theo quy định, như vậy theo quy định của pháp luật đất đai thì trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với bà Lý Thị L đã đúng quy định.

Về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 ngày 21/11/2012 do UBND huyện C cấp cho ông Quan Văn T: Ngày 16/7/2012 bà Lý Thị L tặng cho ông Quan Văn T toàn bộ thửa đất nêu trên hai bên đã L hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 01 và được UBND xã T chứng thực hợp đồng về giao dịch quyền sử dụng đất, ông T nộp hồ sơ và được UBND huyện C cấp giấy CNQSD Đất số BM 21/11/2012. Như vậy theo quy định của pháp luật thì trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của ông Quan Văn T đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quan Văn T trình bày: Bố ông là Quan Văn B có 2 người vợ, vợ đầu tiên của bố ông là bà Ma Thị T, có 1 người con chung là chị Quan Thị N, sinh năm 1948, địa chỉ hiện nay là thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên năm 1948 bà Ma Thị T chết. Khoảng năm 1951 bố ông lấy mẹ ông là Lý Thị L và có 3 người con là chị Quan Thị C, sinh năm 1953, địa chỉ hiện nay là thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Em trai ông là Quan Văn C, sinh năm 1959, địa chỉ hiện nay là thôn Bản T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang và ông. Ban đầu gia đình ông ở chung với ông bà nội ông nhưng năm 1965 bố mẹ ông khai phá một thửa đất tại thôn Bản T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Bố mẹ ông dựng nhà và trồng cây sinh sống trên thửa đất này. Diện tích đất từ lúc bố mẹ ông khai phá đến bây giờ vẫn giữ nguyên diện tích như vậy. Đến năm 1980, bố ông chết, khi đó 2 chị gái đã đi lấy chồng, chị N lấy chồng khoảng năm 1968 – 1969, còn chị C lấy chồng năm 1973, năm 1974 ông tham gia quân đội đến năm 1987; còn em trai là C lấy vợ năm 1986 – 1987 ở riêng. Sau khi bố ông mất mẹ ông tiếp tục quản lý và sử dụng thửa đất này. Đến năm 2011, mẹ ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 068488 do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 03/03/2011. Do 2 chị gái đi lấy chồng không yêu cầu chia đất, em trai ông là

Quan Văn C đã được gia đình cho đất ra ở riêng. Nên ngày 16/7/2012 mẹ ông đã đến Ủy ban nhân dân xã T làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất này cho ông. Hợp đồng tặng cho được UBND xã T thực hiện, công chứng đúng theo quy định của pháp luật. Hiện nay ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 21/11/2012. Ông đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quan Văn C và không có yêu cầu độc L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Thị C trình bày:

Bà nhất trí với lời khai của ông Quan Văn T và đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quan Văn C và không có yêu cầu độc L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quan Thị N trình bày: Bà nhất trí với lời khai và yêu cầu khởi kiện của ông Quan Văn C và không có yêu cầu độc L.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự đối thoại không thành. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, ông Quan Văn C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị: 1. Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 068488 ngày 03/03/2011 do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp cho bà Lý Thị L, sinh năm 1929, địa chỉ: Thôn Bản T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

2. Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp cho ông Quan Văn T, sinh năm 1956, địa chỉ: tổ 3, Phường Phan T, Phường Phan T, tỉnh Tuyên Quang.

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên lời khai và quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 1 Điều 116; Điều 191; Điều 194, Điều 206, Điều 344, Điều 345, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 49, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quan Văn C:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 068488 mang tên Lý Thị Ldo UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 03/3/2011;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 mang tên Quan Văn T do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 21/11/2012;

Buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử sơ thẩm hành chính thấy:

Về thủ tục tố tụng: Ngày 03/3/2011 Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 068488 mang tên bà Lý Thị L. Ngày 16/7/2012 bà Lý Thị L đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là ông Quan Văn T. Ngày 21/11/2012, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Quan Văn T, địa chỉ tổ 3, Phường Phan T, Thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Tháng 11/2019 ông Quan Văn C biết được UBND huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L và ông Tô. Ngày 04/9/2020, ông Quan Văn C có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Như vậy đơn khởi kiện của người khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện đúng với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án:

[1]. *Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 068488 mang tên Lý Thị L do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 03/3/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 mang tên Quan Văn T do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 21/11/2012:*

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Quan Văn T, bà Quan Thị C, Quan Thị N đều xác định cụ Quan Văn B có 02 người vợ, người vợ trước là cụ Ma Thị T, cụ B và cụ Thương có một người con chung là bà Quan Thị N, sau khi cụ Thương chết cụ B xây dựng gia đình với cụ bà Lý Thị L và có 3 người con gồm Quan Thị C, Quan Văn T, Quan Văn C; Năm 1965 gia đình cụ B ra ở riêng và làm nhà trên thửa đất số 01 tờ trích đo 399 hiện nay. Cụ B, cụ L đã làm 1 căn nhà sàn 03 gian 01 trái, khi trưởng thành bà Quan Thị C, Quan Thị N đi lấy chồng, năm 1980 cụ Quan Văn B chết, năm 2011 cụ Lý Thị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 068488 ngày 03/3/2011 mang tên Lý Thị L. Ngày 16/7/2012 cụ Lý Thị LL hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Quan Văn T toàn bộ thửa đất số 01 tờ trích đo bản đồ số 339, ngày 21/11/2012 ông Quan Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801.

Như vậy, về hình thức của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 068488 ngày 03/3/2011 mang tên Lý Thị L do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 ngày 21/11/2012 mang tên Quan Văn T do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp là đúng quy định tại Điều 48 Luật Đất đai năm 2003.

Về nội dung GCNQSDĐ số BC 068488 ngày 03/3/2011 mang tên Lý Thị L chưa xem xét đúng nguồn gốc đất là không đúng quy định tại Điều 9; Điều 49; Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003.

[2]. Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 068488 mang tên Lý Thị L do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 03/3/2011; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 mang tên Quan Văn T do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 21/11/2012:

Về thẩm quyền, căn cứ Điều 52 Luật Đất đai năm 2003, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lý Thị L, địa chỉ tại thôn Bản T, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về trình tự, thủ tục ban hành: Ngày 26/10/2006, bà Lý Thị L có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND xã T đã L biên bản kiểm tra hiện trạng thửa đất xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định ranh giới, hiện trạng sử dụng đất ngày 28/9/2006 đối với người sử dụng đất là bà Lý Thị L, ngày 15/7/2010 UBND xã T, huyện C tiến hành lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất sau đó UBND huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 068488 ngày 03/3/2011 mang tên Lý Thị L.

Tuy nhiên khi bà Lý Thị L có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ ngày 26/10/2006, bà L kê khai Nguồn gốc sử dụng là “gia đình khai phá và làm nhà từ năm 1970”, lời khai của bà L phù hợp với lời khai của ông Quan Văn C (BL số 110 – 129), bà Quan Thị C (BL số 211 -213), Quan Thị N (BL số 208 -216) và lời khai của ông Quan Văn T (BL số 102 -111); Lời khai của các những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là con của cụ ông Quan Văn B, cụ bà Lý Thị L đều thừa nhận nguồn gốc đất do các cụ B, cụ L khai phá và sử dụng ổn định từ những

năm 1965 đến nay, đây là tình tiết được các bên cùng thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật Tố tụng hành chính. Như vậy có đủ căn cứ xác định thửa đất bà L đề nghị cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc không thuộc sở hữu riêng của bà L mà của hai vợ chồng bà. Ông Quan Văn B chết không để lại di chúc nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất trong đó có cụ bà L và 04 người con của cụ B (trong đó có 1 con riêng của ông B, 03 con chung giữa ông B với bà L) đều có quyền thừa kế đối với phần di sản thừa kế của ông B.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Luật Đất đai năm 2003 quy định về những trường hợp được cấp GCNQSDĐ: *“Người được chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, được thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất; người nhận quyền sử dụng đất khi xử lý hợp đồng thế chấp, B lãnh bằng quyền sử dụng đất để thu hồi nợ; tổ chức sử dụng đất là pháp nhân mới được hình thành do các bên góp vốn bằng quyền sử dụng đất;”*.

Điểm c khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất *“Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa gắn liền với đất”*.

Tại phần I mục 2.4 điểm 2 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình quy định không áp dụng thừa hiệu khởi kiện về quyền thừa kế như sau: *“...sau khi kết thúc thời hạn mười năm mà các đồng thừa kế không có tranh chấp về hàng thừa kế và đều thừa nhận di sản do người chết để lại chưa chia thì di sản đó chuyển thành tài sản chung của các thừa kế. Khi có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế, mà áp dụng các quy định của pháp luật về chia tài sản chung để giải quyết...”*.

Đồng thời, tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 đã quy định: *Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau đây:*

d) Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, ...

Như vậy, mặc dù thời điểm bà L được cấp GCNQSDĐ đã kết thúc thời hạn 10 năm nhưng do các đồng thừa kế không có tranh chấp về hàng thừa kế và đều thừa nhận di sản do người chết để lại chưa chia thì di sản đó trở thành tài sản chung của các thừa kế. Như vậy UBND huyện C khi cấp GCNQSDĐ cho bà Lý Thị L đã không yêu cầu bà Lý Thị L cung cấp các giấy tờ thừa kế hay văn bản giấy thỏa thuận của các đồng thừa kế đồng ý cho bà L đứng tên, UBND huyện C cấp GCNQSDĐ cho một mình bà Lý Thị L là không đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác HĐXX thấy: UBND huyện C không xuất trình được tài liệu chứng minh việc đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai khi cấp GCNQSDĐ

cho bà Lý Thị L theo quy định của pháp luật khi thừa đất bà L không có bất cứ loại giấy tờ gì theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 50 Luật Đất đai 2003.

Điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP quy định: Trường hợp người đề nghị cấp GCNQSDĐ nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thì Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có trách nhiệm thực hiện các công việc sau đây: “...b) Công bố công khai kết quả kiểm tra tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, thị trấn trong thời hạn 15 ngày; xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công khai”.

Như vậy về trình tự, thủ tục khi UBND huyện C cấp GCNQSDĐ cho bà Lý Thị L là không đúng quy định theo khoản 4 Điều 49; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp GCNQSDĐ. Do việc cấp GCNQSDĐ đối với bà L không đúng quy định nên bà L không có quyền tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Quan Văn T đối với phần di sản thừa kế của ông Quan Văn B.

Như vậy về trình tự, thủ tục khi UBND huyện C cấp GCNQSDĐ cho bà Lý Thị L và ông Quan Văn T cần phải được xem xét lại cho đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về thời hiệu, thời hạn ban hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 068488 mang tên Lý Thị L do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 03/3/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 mang tên Quan Văn T do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 21/11/2012:

Do trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà Lý Thị L không đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét về thời hạn, thời hiệu.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 068488 mang tên Lý Thị L do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 03/3/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 mang tên Quan Văn T do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 21/11/2012 chưa đúng trình tự, đối tượng sử dụng đất. Vì vậy cần hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 068488 mang tên Lý Thị L do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 03/3/2011 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 mang tên Quan Văn T do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 21/11/2012 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Không chấp nhận đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quan Văn T. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193;

điểm a khoản 1 Điều 116; Điều 191; Điều 194, Điều 206, Điều 344, Điều 345, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 49, Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quan Văn C:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BC 068488 mang tên Lý Thị L do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 03/3/2011;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 712801 mang tên Quan Văn T do UBND huyện C, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 21/11/2012;

2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Ma Ngọc Trung

